TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THÁI THỤY** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 111/2021/HS-ST
Ngày 02/12/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đào Thị Xuân Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Văn Tiến và bà Vũ Thị Thúy

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hoài Thanh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy tham gia phiên tòa: Ông Phạm Đình Tuấn Anh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 02 tháng 12 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số:102/2021/TLST-HS ngày 05/11/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 107/2021/QĐXXST-HS ngày 19/11/2021 đối với bị cáo:

Nguyễn Hữu C, sinh năm 1971 tại xã T2, huyện T1, tỉnh T; Nơi cư trú: Thôn Lỗ Trường, xã T2, huyện T1, tỉnh T; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Hữu Đ (đã chết) và bà Đỗ Thị Q (đã chết); Tiền án: Không; Tiền sự: Quyết định số 10/2017/QĐ-HC ngày 27/10/2017 của Tòa án nhân dân huyện T1, áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời hạn 02 năm (chấp hành xong ngày 06/12/2019); Ngày 20/5/2021, bị Công an huyện T1 xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản (chưa chấp hành nộp phạt); Nhân thân: 01- Bản án số 39/HS-ST ngày 27/11/1990, Tòa án nhân dân huyện T1, xử phạt 39 tháng tù về tội "Cướp giật tài sản" và "Trộm cắp tài sản"; 02 - Bản án số 25/HSST ngày 10/6/2003, Tòa án nhân dân huyện T1, xử phạt 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". 03 - Bản án số 07/HS-ST ngày 17/11/2004, Tòa án nhân dân huyện T1, xử phạt 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". 04 - Bản án

số 143/HSST ngày 05/9/2014, Tòa án nhân dân quận L, thành phố H, xử phạt 42 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" (Các bản án đã chấp hành xong); 05 - Quyết định số 851/QĐ-UB(NC) ngày 17/5/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh T, áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở giáo dục T3, thời hạn 02 năm (chấp hành xong ngày 22/5/2013).

Bị can bị tạm giữ từ ngày 30/8/2021 đến ngày 08/9/2021 chuyển tạm giam. Hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện T1, tỉnh T. *(Có mặt)*

* *Bị hại*: Anh Nguyễn Trọng T4, sinh năm 1992; Địa chỉ; Thôn T5, xã A, huyện T1, tỉnh T. *(Có đơn xin vắng mặt)*

* *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Ông Hồ Trọng N, sinh năm 1966; Địa chỉ: Thôn T6, xã T2, huyện T1, tỉnh T. *(Có đơn xin vắng mặt).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ ngày 29/8/2021, Nguyễn Hữu C từ nhà đi bộ một mình, mang theo 01 chiếc vợt và 01 đèn pin để soi và bắt chim. Khi đi đến khu vực trước cửa nhà anh Nguyễn Trọng T4, C quan sát thấy nhà anh T4 không khóa cửa ngách nên đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. C bước qua bức tường vây, theo lối cửa ngách vào phòng ngủ của anh T4. Lúc này, anh T4 đang nằm ngủ, trên giường có để 01 chiếc điện thoại di động SamSung Galaxy S9 Plus. C cầm lấy chiếc điện thoại rồi mang về cất giấu ở khu vực vườn, phía sau nhà C. Khoảng 05 giờ 30 phút ngày 30/8/2021, C mang chiếc điện thoại trộm cắp được đem bán cho ông Hồ Trọng N lấy 1.000.000 đồng (do không đủ tiền nên ông N mới đưa cho C số tiền 700.000 đồng, còn nhận nợ 300.000 đồng trả sau). Số tiền bán chiếc điện thoại, C đã chi tiêu cá nhân hết. Ngày 30/8/2021, Nguyễn Hữu C đến Công an xã A đầu thú về hành vi phạm tội của mình.

Bản kết luận định giá tài sản số 39/KL-HĐGDTS ngày 06/9/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T1 kết luận: 01 chiếc điện thoại di động màu đen, nhãn hiệu Samsung Galaxy S9 Plus đã qua sử dụng có giá trị là 5.500.000đ (Năm triệu năm trăm nghìn đồng).

Bản cáo trạng số 103/CT-VKSTT ngày 04/11/2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện T1 đã truy tố bị cáo Nguyễn Hữu C về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Hữu C đã thành khẩn khai báo và thừa nhận

toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như cáo trạng đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T1 giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Hữu C phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 50, Điều 38 Bộ luật hình sự đề nghị xử phạt bị cáo từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 30/8/2021, không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo. Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Không đặt ra giải quyết. Bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không tranh luận gì và nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là sai trái, rất ăn năn hối cải về hành vi phạm tội và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về việc vắng mặt của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tại phiên tòa: Xét thấy các đương sự đã được triệu tập hợp lệ, có đơn xin xét xử vắng mặt. Tại giai đoạn điều tra, truy tố đã có lời khai đầy đủ nên sự vắng mặt của các đương sự không ảnh hưởng đến việc xét xử giải quyết vụ án. Căn cứ khoản 1 Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[2] Về quyết định tố tụng, hành vi tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Công an xã A, Cơ quan điều tra Công an huyện T1, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T1, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Về căn cứ kết tội đối với bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của chính bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Ngoài ra còn được chứng minh bằng các tài liệu, chứng cứ như: Biên bản

nhận dạng tài sản; Biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, bản ảnh hiện trường, bản kết luận định giá tài sản số 39 ngày 06/9/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T1 cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận: Khoảng 22 giờ ngày 29/8/2021 Nguyễn Hữu C đã trộm cắp 01 chiếc điện thoại di động màu đen, nhãn hiệu Samsung Galasy S9 Plus đã qua sử dụng trị giá 5.500.000đ của anh Nguyễn Trọng T4. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự như Viện kiểm sát nhân dân huyện T1 đã truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Điều 173: Tội trộm cắp tài sản

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

……….

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng."

[4] Đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo thấy: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hậu quả của hành vi do mình thực hiện nhưng vẫn thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, thể hiện ý thức coi thường pháp luật. Do đó, để đấu tranh phòng chống tội phạm cần thiết phải xử lý bị cáo bằng pháp luật hình sự.

[5] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, đầu thú nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6] Từ những phân tích, nhận định về tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo nêu trên, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bị cáo là người có nhân thân xấu, đã

từng phạm tội và bị xét xử nhiều lần, hiểu được sự trừng phạt răn đe của pháp luật nhưng không lấy đó làm bài học để rèn luyện và cải tạo bản thân mà lại tiếp tục phạm tội. Do đó, việc đưa ra xét xử bị cáo là đúng quy định của pháp luật hình sự và cần phải áp dụng một mức án thật nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng cải tạo, giáo dục, răn đe bị cáo và góp phần vào công tác đấu tranh phòng ngừa tội phạm chung cho xã hội.

[7] Bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập ổn định, không có tài sản riêng gì có giá trị do đó không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Anh T4 đã nhận lại 01 chiếc điện thoại di động màu đen, nhãn hiệu Samsung Galasy S9 Plus đã qua sử dụng và không yêu cầu C phải bồi thường thêm bất cứ một khoản tiền nào khác. Ông Hồ Trọng N là người đã đưa cho C 700.000đ để mua chiếc điện thoại C đã trộm cắp được không yêu cầu C phải bồi thường số tiền trên. Sự thỏa thuận của các bên tại giai đoạn điều tra, truy tố là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, tại giai đoạn xét xử anh T4 và ông N không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết về trách nhiệm dân sự.

[9] Về xử lý vật chứng: Trong quá trình điều tra, anh Nguyễn Trọng T4 đã đề nghị Cơ quan điều tra trả cho anh 01 chiếc điện thoại di động màu đen, nhãn hiệu Samsung Galasy S9 Plus đã qua sử dụng và không có yêu cầu gì khác. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T1 đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại vật chứng trên cho anh T4 quản lý và sử dụng theo biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu ngày 05/10/2021 là đúng quy định của pháp luật nên không cần đặt ra giải quyết.

[10] Về các vấn đề khác: Ông Hồ Trọng N là người mua chiếc điện thoại di động do bị can C trộm cắp mà có. Tuy nhiên quá trình điều tra xác định ông N không biết và không liên quan đến hành vi phạm tội của C nên Cơ quan điều tra không xử lý đối với ông N là đúng pháp luật.

[11] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng theo quy định của pháp luật.

[12] Về quyền kháng cáo: Bị cáo và bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hữu C phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*.

2. Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 50, Điều 38 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu C 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù giam, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ 30/8/2021.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo Nguyễn Hữu C phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự:

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (02/12/2021). Anh Nguyễn Trọng T4 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án theo quy định của pháp luật. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Hồ Trọng N có quyền kháng cáo về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- *Người tham gia tố tụng;*
- *VKSND huyện T1;*
- *VKSND tỉnh T;*
- *Chi cục THADS huyện T1;*
- *Công an huyện T1;*
- *UBND xã T2;*
- *Sở tư pháp tỉnh T;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Đào Thị Xuân Quỳnh